

Bản án số 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/04/2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa*  
*chị L và anh C*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Thanh Cường

2. Ông Nguyễn Tiến Chính

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ L số 394/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị L và anh C*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/202/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Được sự đồng ý của hai gia đình, năm 2012 chị và anh Nguyễn Văn C đã tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn chị và anh C có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị về chung sống cùng anh C tại thôn H, xã M. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do chị và anh C ngày càng không hiểu nhau, bất đồng về quan điểm sống. Từ ngày 05/06/2020, chị và anh C chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn C sinh được con chung là Nguyễn Thị KAnh, sinh ngày 16/11/2012 và Nguyễn Thu Q, sinh ngày 31/01/2017. Cả hai con hiện nay đang ở với anh C. Chị vẫn thường xuyên liên lạc với các con chị qua điện thoại, mạng xã hội như Facebook, Zalo, các con chị vẫn ngoan, phát triển bình thường. Để tránh đảo lộn cuộc sống của các con, chị đề anh Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi cả hai con. Cấp dưỡng nuôi con, chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn C, nhưng anh C không đến trụ sở Tòa án làm việc, cũng không cung cấp bản tự khai và tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ L vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn C. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn C nuôi cả 02 con; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C vắng mặt lần thứ hai không có L do. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Văn C trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Lục Nam số 13 ngày 20/02/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị L và anh C sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn C sinh được con chung là Nguyễn Thị KAnh, sinh ngày 16/11/2012 và Nguyễn Thu Q, sinh ngày 31/01/2017. Cả 02 con đều đang ở với anh C, vẫn ngoan, phát triển bình thường. Để tránh xáo trộn về cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con nên giao cả 02 con cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Nguyễn Văn C nuôi cả 02 con là Nguyễn Thu Q, sinh ngày 31/01/2017 và Nguyễn Thị KAnh, sinh ngày 16/11/2012. Chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0013426 ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã M;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Huân**

